TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Bẩy
Bà Huỳnh Trúc Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 544/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 14/8/1975. Số CCCD 0…5, cấp ngày 10/5/2021. Địa chỉ: Nhà không số, Hẻm 20, đường L.X, khóm 17, phường T, tỉnh Cà Mau. (trước đây là Nhà không số, Hẻm 20, đường L.X, khóm 4, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau). (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Lâm Hoàng M, sinh ngày 16/6/1966. Số CCCD 0…5, cấp ngày 14/6/2024. Địa chỉ: Nhà không số, Hẻm 20 đường L.X, khóm 17, phường T, tỉnh Cà Mau (trước đây là Nhà không số, Hẻm 20, đường L.X, khóm 4, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2025, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Hoàng M kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2006 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông M thường xuyên nghi ngờ lòng chung thủy của bà, xúc phạm bà, bà đã nhiều lần khuyên can và hàn gắn nhưng ông M không sửa chữa, không khắc phục khuyết điểm ngày càng nghiêm trọng. Nay không còn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Hoàng N, sinh ngày 02/5/2006, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Con chung

Lâm Nguyễn Kim C, sinh ngày 20/5/2009 đang sống cùng bà, khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý để thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T, nhưng ông Lâm Hoàng M không đến Tòa án theo triệu tập cũng không gửi văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lâm Hoàng M kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày ngày 25/7/2006 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Phường T, tỉnh Cà Mau. Bà T yêu cầu ly hôn với ông M. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Lâm Hoàng M, Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông M đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông M, đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là đúng theo quy định tại Điều 207, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông M thiếu tôn trọng bà, bà đã khuyên can và hàn gắn nhiều lần nhưng ông M không sửa chữa, không khắc phục khuyết điểm. Dù ông M đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của bà T và triệu tập tham gia tố tụng vụ án nhưng đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến nào gửi đến Tòa án, không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, bà T và ông M đã có mâu thuẫn và không còn chung sống khoảng 04 tháng nay. Bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông M không yêu cầu hàn gắn, thể hiện hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn không có thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung: Bà T xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lâm Hoàng N, sinh ngày 02/5/2006, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Con chung Lâm Nguyễn Kim C, sinh ngày 20/5/2009 đang sống cùng bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung, ông M không có ý kiến. Cần đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của bà T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M không có ý kiến hay yêu cầu gì. Đến nay không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của

bà T và ông M. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lâm Hoàng M.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Lâm Nguyễn Kim C, sinh ngày 20/5/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Con chung Lâm Hoàng N, sinh ngày 02/5/2006, đã trưởng thành nên không giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng

Ông Lâm Hoàng M có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp. Ngày 17/7/2025 bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo lai thu số 0011676 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND phường T, T.Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

Phan Thị Thu